

Bản án số: 134/2022/DS-PT  
Ngày 19 - 7 - 2022  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhiên

*Các Thẩm phán:*

Ông Trần Bá Kha

Ông Trần Bình Đào

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Xương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Đào Thị Ngọc Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 160/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lại Thị Thu N, sinh năm 1962 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Năm Loạn; địa chỉ: khu phố Đường H, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của bà Nguyệt:* Ông Tiêu Tường Th, sinh năm 1975; địa chỉ: số 68 đường C, phường B, thành phố HT, tỉnh Kiên Giang; đại diện theo giấy ủy quyền ngày 17/5/2022 (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: ấp Th, xã NT, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn L (tên thường gọi Năm L), sinh năm 1966; địa chỉ: số 212, khu phố Đường H, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Ông Đặng Ngọc Quyển; địa chỉ: ấp Th, xã NT, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Bùi Thị T – bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn là bà Lại Thị Thu N - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Năm L trình bày:**

Do là chỗ quen biết với bà Bùi Thị T nên từ năm 2016 đến năm 2021 Doanh nghiệp của bà có bán vật tư nông nghiệp cho bà T nhiều lần. Trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2021 bà T thiếu tổng số tiền là 17.248.000.000 đồng và đã trả được số tiền 16.601.000.000 đồng. Sau khi đối trừ thì hiện nay bà T còn thiếu bà số tiền là 647.110.000 đồng. Nay, bà T không còn mua bán gì với Doanh nghiệp của bà, số tiền bà T còn thiếu bà đòi nhiều lần nhưng bà T không trả. Lần cuối cùng bà T nhờ con dâu của bà T là Lê Thị Mỹ T1 trả tiền cho bà là vào ngày 22/5/2021 với số tiền là 210.000.000 đồng.

Do đó, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang giải quyết buộc bà Bùi Thị T phải trả cho Doanh nghiệp của bà số tiền còn thiếu 647.110.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà N trình bày:

Tổng số tiền nợ từ năm 2016 đến năm 2021 bà T thiếu Doanh nghiệp là 17.248.000.000 đồng có tiền lãi tính trên đơn hàng phát sinh từ ngày 12/5/2016 đến ngày 26/4/2017 là 146.383.454 đồng (mức lãi suất 1%/ tháng) và từ ngày 26/4/2017 đến 30/4/2021 là 648.697.000 đồng (mức lãi suất 0,9%/tháng).

Ông đại diện cho nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện điều chỉnh mức lãi suất tính trên từng đơn hàng từ ngày 12/5/2016 đến ngày 06/8/2020 xuống còn 0,75%/tháng, yêu cầu bà T phải thanh toán cho Doanh nghiệp số tiền còn nợ sau khi đã khấu trừ tổng số tiền bà Thảo đã trả vào tổng nợ gốc và lãi đã được điều chỉnh lãi suất. Ông không yêu cầu ông Đặng Ngọc Q là chủ Hộ kinh doanh Ngọc Q phải thanh toán nợ cho Doanh nghiệp tư nhân Năm L.

**Bị đơn là bà Bùi Thị T trình bày:**

Bà và bà Lại Thị Thu N là Chủ Doanh nghiệp tư nhân Năm L đã hợp tác mua bán phân bón từ năm 2007. Bà N khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 647.110.000 đồng bà không đồng ý vì số tiền này là tiền lãi bà N tự tính, từ trước đến nay bà N không hề nói với bà về khoản lãi này. Giữa bà và bà N không thỏa thuận tính tiền lãi trên từng đơn hàng mua bán, mà chỉ khi đến cuối vụ lúa nếu bà không thanh toán hết tiền nợ trong vụ thì phải chịu lãi trên phần tiền còn lại của vụ đó. Bà đã thanh toán nợ cho bà N vào các vụ lúa cụ thể như sau:

Vụ Hè thu 2017, ngày 18/8/2017 bà nợ tổng cộng 2.343.952.812 đồng, bà đã trả 2.360.000.000 đồng;

Vụ Đông Xuân 2018, tính đến ngày 15/4/2018 tổng nợ 2.478.569.000 đồng, bà đã trả 2.182.000 đồng, bà còn nợ lại 290.000.000 đồng;

Vụ Hè Thu 2018, tính đến 10/9/2018 tổng nợ 2.559.000.000 đồng, ngày 10/3/2019 bà đã trả 1.968.000.000 đồng, bà còn nợ lại 591.000.000 đồng;

Vụ Đông Xuân 2019, tính đến ngày 10/3/2019 tổng nợ 3.204.000.000 đồng, ngày 27/7/2019 bà đã trả 4.097.000.000 đồng;

Vụ Hè Thu 2019 – 2020, tính đến ngày 04/12/2019 tổng nợ 1.866.334.000 đồng, ngày 18/5/2020 bà đã trả 1.216.000.000 đồng, bà còn nợ lại 650.334.000 đồng;

Tính đến ngày 06/8/2020 bà nợ tổng số tiền là 1.408.413.000 đồng, ngày 17/9/2020 bà đã trả 1.000.000.000 đồng, còn nợ lại 408.413.000 đồng. Ngày 01/5/2021 bà trả số tiền là 200.000.000 đồng, ngày 22/5/2021 con bà đem trả giùm số tiền là 210.000.000 đồng;

Bà đồng ý thanh toán nợ lãi cho bà Nguyệt đối với khoản nợ cuối mỗi vụ lúa như sau: tiền lãi của 290.000.000 đồng trong 5 tháng, tiền lãi của 590.000.000 đồng trong 5 tháng, tiền lãi của 650.334.000 đồng trong 5 tháng và tiền lãi 408.413.000 đồng trong 07 tháng với mức lãi suất theo yêu cầu của bà N.

Bà là người trực tiếp mua phân, thuốc của Doanh nghiệp Năm L về bán cho nông dân, không liên quan đến Hộ kinh doanh Ngọc Q do con trai bà là ông Đặng Ngọc Q đứng tên nên bà sẽ chịu trách nhiệm thanh toán nợ cho bà N, không yêu cầu anh Q phải cùng chịu trách nhiệm trả nợ.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn L trình bày:**

Ông là người trực tiếp bán phân, thuốc cho bà T, bà T là người trực tiếp giao nhận hàng về bán tại Đại lý Ngọc Q.

Tiền phân, thuốc ông bán cho bà T là giá bán tiền mặt, khi xuất đơn hàng là phát sinh lãi, từ trước đến nay ông vẫn bán với cách thức như vậy với bà T cũng như các Đại lý khác. Còn giá bán cho nông dân để thanh toán nợ vào cuối vụ là giá bán khác, giá cao hơn giá bán cho đại lý. Do đó, bà T yêu cầu trả lãi trên số tiền còn lãi của mỗi vụ là không đúng mà phải thanh toán gốc, lãi phát sinh trên từng đơn hàng còn nợ.

Do giữa doanh nghiệp và bà T mua hàng và thanh toán nợ rất nhiều đợt nên ông tính tiền lãi theo cách thức tiền mua hàng tính lãi từ ngày mua và tiền bà T thanh toán nợ cũng được tính lãi từ ngày trả, khấu trừ vào nhau để xác định được tiền lãi bà T còn nợ của doanh nghiệp.

**Tại bản án sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H đã quyết định:**

Đình chỉ một phần phần yêu cầu khởi kiện về việc thanh toán tiền lãi của nguyên đơn bà Lại Thị Thu N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Năm L đối với bị đơn là bà Bùi Thị T.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N là Chủ Doanh nghiệp tư nhân Năm L đối với bà Thảo. Buộc bà T phải thanh toán cho bà N tiền mua hàng và lãi suất chậm trả còn nợ là 502.398.000 đồng (Năm trăm lẻ hai triệu ba trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022 bị đơn bà Bùi Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị Thu N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Năm L.

### ***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Bị đơn bà Bùi Thị T sửa đổi đơn kháng cáo, đồng ý trả cho bà N số tiền 200.000.000 đồng.

Ông Tiêu Tường Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lại Thị Thu N thống nhất theo ý kiến của bị đơn bà T. Bà N đồng ý nhận số tiền còn thiếu là 200.000.000.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L thống nhất theo lời trình bày của ông Th là người đại diện theo ủy quyền của của bà N.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự nguyện thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang theo hướng công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Tiêu Tường Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lại Thị Thu N với bị đơn bà Bùi Thị T tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Bà Bùi Thị T đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng cho nguyên đơn bà Lại Thị Thu N.

Sự thỏa thuận giữa ông Tiêu Tường Th là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lại Thị Thu N với bà T là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng

xét xử thống nhất: Chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang theo hướng công nhận sự thỏa thuận nêu trên của các đương sự.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch, bà T phải chịu (200.000.000 đồng 5%) = 10.000.000 đồng.

Bà Lại Thị Thu N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.942.000 đồng (mười bốn triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001410 ngày 23/11/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Bùi Thị T phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 305, Điều 438 của Bộ luật Dân sự 2005; Điểm a khoản 1 Điều 688, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2022/DS-ST ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

**1.** Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn bà Lại Thị Thu N với bị đơn bà Bùi Thị T như sau:

Bị đơn bà Bùi Thị T trả cho nguyên đơn bà Lại Thị Thu N số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp các đương sự không tự nguyện thi hành án thì người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất thỏa thuận hoặc theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2.** Đình chỉ một phần phần yêu cầu khởi kiện về việc thanh toán tiền lãi của nguyên đơn bà Lại Thị Thu N – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Năm L đối với bị đơn là bà Bùi Thị T.

**3.** Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch, bà Bùi Thị T phải chịu (200.000.000 đồng 5%) = 10.000.000 đồng.

Bà Lại Thị Thu N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.942.000 đồng (mười bốn triệu chín trăm bốn mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001410 ngày 23/11/2021 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Bùi Thị T phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.0000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0007753 ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện H ;
- THA dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nhiên**